TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/DS-PT
Ngày: 06-02-2018
V/v: Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 343/2017/QĐPT-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968, cư trú tại: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1971;

2. Ông Võ Văn T, sinh năm 1970;

Cùng cư trú tại: Khu phố 3, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị Cẩm L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 2015, bà có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị Cẩm L làm chủ hụi, bà tham gia 04 dây hụi gồm:

Dây thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng, mở vào ngày 10/01/2015 âm lịch, dây hụi này gồm 37 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày mùng 10 và ngày 25 âm lịch hằng tháng. Bà tham gia 02 phần và đóng được 25 lần với số tiền là 182.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, mở vào ngày 17/5/2015 âm lịch, dây hụi này gồm 35 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày mùng 02 và ngày 17 âm lịch hằng tháng. Bà tham gia 03 phần và đóng được 19 lần với số tiền là 78.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi 5.000.000 đồng, mở vào ngày 30/11/2015 âm lịch, dây hụi này gồm 31 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày mùng 15 và ngày 30 âm lịch hàng tháng. Bà tham gia 02 phần và đóng được 04 lần với số tiền là 27.400.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng, mở vào ngày 05/12/2015 âm lịch, dây hụi này gồm 35 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày mùng 05 và ngày 20 âm lịch hằng tháng. Bà tham gia 05 phần và đóng được 02 lần với số tiền là 14.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi bà đóng cho bà L là 301.400.000 đồng. Đến đầu tháng 01 năm 2016 âm lịch thì bà L tự ý đơn phương chấm dứt chơi hụi nhưng không trả cho bà số tiền trên.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông Võ Văn T là chồng bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 301.400.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Lê Thị Cẩm L trình bày:

Trước đây, bà L có tổ chức chơi hụi do bà L làm chủ hụi. Năm 2014, bà M có tham gia chơi hụi nhưng dây hụi này đã mãn. Năm 2015, bà M không có tham gia chơi hụi, 04 dây hụi bà M trình bày là không có. Bảng kê hụi ngày 17/5/2015 âm lịch là chữ viết của bà L, nhưng trong danh sách này không có tên của bà M. Nay, bà M yêu cầu bà và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền 301.400.000 đồng bà không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với vợ chồng bà Lê Thị Cẩm L, ông Võ Văn T.

Buộc vợ chồng bà Lê Thị Cẩm L, ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M 287.400.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đình chỉ nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu vợ chồng bà L, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) trong dây hụi mở ngày 05/12/2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2017, bị đơn bà Lê Thị Cẩm L kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Cẩm L không làm chủ các dây hụi nguyên đơn cho rằng có tham gia chơi từ năm 2015. Tại bảng kê hụi không có tên của bà M. Phía nguyên đơn khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, đã đóng được bao nhiêu tiền cho bà L, bà M tự tính tiền hụi rồi khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền là không có căn cứ. Tên N trong giấy kê hụi ngày 17/5/2015 là tên người không có thật do bà L tự ghi vào nhưng thực chất là do bà L tham gia chơi. Người làm chứng trình bày không khách quan vì không chứng kiến việc nguyên đơn có giao tiền hụi cho bị đơn, vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đồng thời, đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bảng kê hụi ngày 17/5/2015, dây hụi 2.000.000 đồng, bà L thừa nhận chữ viết tại bảng kê hụi này là của bà nhưng trong danh sách hụi viên không có tên nguyên đơn vì có tên "N" mà không phải tên M. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng tên N là do bà tự viết ra cho đủ danh sách hụi viên mà thực sự không có người này tham gia chơi hụi. Xét thấy, lời trình bày của bà L là không có căn cứ vì bà L làm chủ hụi nên không thể ghi danh sách khống về các hụi viên tham gia chơi mà phải ghi đúng, đủ tên các hụi viên tham gia dây hụi. Ngoài ra, bà L còn trình bày rằng bà học đến lớp 6 do đó khi viết chữ có nét không rõ ràng nên có cơ sở để khẳng định tên "N" trong bảng kê hụi ngày 17/5/2015 là bà M, bảng kê hụi này có tên bà M nên phù hợp với lời trình bày của bà M là bà có chơi hụi do bà L làm chủ, mệnh giá dây hụi, số lượng hụi viên tham gia chơi hụi. Mặc dù, nguyên đơn không liệt kê được số tiền đã đóng hụi cụ thể là bao nhiêu, thời gian đóng hụi cho bà L. Tuy nhiên, xác định được số tiền và thời gian bà M tham gia chơi hụi do bà L làm chủ thì bà M đã đóng được là 78.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L, ông T trả cho bà M số tiền nêu trên là phù hợp.

[2] Đối với các dây hụi ngày 10/01/2015, ngày 30/11/2015 và ngày 05/12/2015 âm lịch, bà M không cung cấp được danh sách các hụi viên cụ thể như chứng cứ là bảng kê hụi viên ngày 17/5/2015, mặc dù những người làm chứng cho rằng bà M có tham gia chơi các dây hụi như bà M đã trình bày trong đơn khởi kiện, nhưng các người làm chứng đều cho rằng việc tham gia chơi hụi do bà L làm chủ chỉ thỏa thuận bằng miệng và lời trình bày trên không được phía bà L thừa nhận và phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L, ông T liên đới trả số tiền hụi là 209.400.000 đồng là không có căn cứ, bản án sơ thẩm buộc bà L, ông T liên đới trả cho bà M số tiền này là gây thiệt hại đến quyền lợi của bà L, ông T nên kháng cáo phần này của bà L được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là không phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà Lê

Thị Cẩm L và ông Võ Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.900.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.470.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.570.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003534 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị M phải nộp tiếp số tiền 2.900.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên hoàn tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị Cẩm L là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm L;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 298, và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 429 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị định số: 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp hụi đối với bà Lê Thị Cẩm L, ông Võ Văn T.

Buộc bà Lê Thị Cẩm L, ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Lê Thị Cẩm L, ông Võ Văn T liên đới trả số tiền 209.400.000 đồng (hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đình chỉ nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu vợ chồng bà L, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M 14.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 05/12/2015.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T phải liên đới chịu là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.470.000 đồng (mười triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.570.000 đồng (bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003534 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị M phải nộp tiếp số tiền 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị Cẩm L là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005999 ngày 15/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng

[1] Nguyên đơn cho rằng phần đất thuộc thửa 323, tờ bản đồ 14; diện tích 258,5m^2, tọa lạc tại: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre được ông Võ Văn Tư, bà Phan Thị Hóa nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn Thống năm 2002 với giá là 1,5 lượng vàng 24K và đã giao đủ tiền nhưng không làm giấy tờ chuyển nhượng, sau khi nhận đất phần đất nêu trên phía ông Tư, bà Hóa đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 và cho thuê nhiều năm, bà Hóa cho rằng phần đất này là tài sản chung của vợ chồng bà nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn Thống, bà Đào Thị Năm không thừa nhận có sự việc như bà Hóa trình bày ở trên. Bà Hóa cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Thống chuyển nhượng phần đất trên cho vợ chồng bà. Đồng thời, qua xem xét nguồn gốc phần đất thửa 323, tờ bản đồ 14 trước đây có nguồn gốc của ông Võ Văn Nhẫn tặng cho ông Võ Văn Nhịn, khi ông Nhịn chết thì bà Đào Thị Năm (vợ ông Nhịn) thừa kế đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như vậy phần đất này được nhà nước công nhận cho bà Năm nên việc bà Hóa trình bày là nhận chuyển nhượng đất từ ông Thống là không phù hợp.

Trong " tờ họp mặt gia đình" được lập ngày 18/11/1996 có nội dung " còn ở bên kia lộ chia 2 người gồm: Võ Văn Nhịn, Võ Văn Thống" tuy nhiên văn bản này không thể hiện phần đất ông Thống nhận là phần đất thửa nào, vị trí tại đâu, diện tích bao nhiêu. Nguyên đơn cung cấp văn bản ngày 08/01/2008 có nội dung: "Gởi anh Võ Văn Tư… Tôi đồng ý sang tên đường đi cho anh, chờ chị hai Nhịn lấy sổ đỏ ngân hàng về tôi sẽ đi làm". Trong văn bản này không thể hiện thỏa thuận giữa vợ chồng bà Hóa và ông Thống là chuyển nhượng phần đất thửa 323, tờ bản đồ 14. Từ đó, yêu cầu kháng cáo của bà Hóa về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số BD 144681 mang tên Đào Thị Năm được cấp ngày 15/3/2011 đối với thửa đất số 323, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và yêu cầu công nhận thửa đất số 323, tờ bản đồ 14 là tài sản chung của ông Tư, bà Hóa để chia thừa kế theo pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Bị đơn không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất 0,75% đối với số tiền bà Hóa cho rằng lo chi phí đám tang và xây nhà mồ cho ông Võ Văn Tư là

213.393.000 đồng. Thấy rằng bà Hóa cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 213.393.000 đồng bà Hóa đã vay để lo chi phí đám tang và xây nhà mồ cho ông Võ Văn Tư và các đương sự không kháng cáo về khoản tiền này nên số tiền 213.393.000 đồng được xem là chi phí đám tang và xây nhà mồ cho ông Võ Văn Tư. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét lấy số tiền là di sản của ông Tư để lại là 539.708.000 đồng chi trả cho bà Hóa tiền chi đám tang và xây nhà mồ là 213.393.000 đồng, có xem xét đến tiền lãi suất theo lãi suất ngân hàng là phù hợp nên kháng cáo của bà Lê Thị Hai không có căn cứ chấp nhận. Theo đó, số tiền 213.393.000 đồng này được tính lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng từ tháng 3/2012 là thời điểm ông Tư chết đến khi xét xử sơ thẩm là 66 tháng với mức lãi suất 0.75%/tháng là 105.629.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà Hóa đã chi, bà Hóa được nhận lại số tiền này và có tính lãi suất theo lãi suất Ngân hàng tổng cộng là 319.022.000 đồng.

Số tiền của ông Tư để lại 539.708.000 đồng trừ đi số tiền 319.022.000 đồng nêu trên còn lại là 220.686.000 đồng. Số tiền này được chia đôi. Bà Hóa, bà Hai nhận mỗi người được nhận 1/2 của số tiền 220.686.000đồng là 110.343.000 đồng.

.....
.....

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

[3] Tại đơn trình bày và yêu cầu ngày 23/5/2014 bà Đào Thị Năm trình bày " Trước đây vào khoảng cuối năm 2006 đầu năm 2007 có trao đổi là.... định cất một căn nhà tạm cấp 4 cho thuê...Tôi chấp nhận đề nghị của chú Thống (BL138) và tại biên bản hòa giải ngày 15/11/2012 ông Võ Văn Thống trình bày " còn về phần đất có căn nhà ở trên ..... thì Tư cất và cho thuê" theo xác nhận của ông Đặng Văn An (BL21), ông Lê Văn Tâm và lời trình bày của ông Võ Văn Năm tại biên bản làm việc ngày 05/12/2016 (BL334) thì ông Võ Văn Tư là người xây cất ngôi nhà cấp 4 sau đó cho vợ chồng ông Năng, bà Thủy thuê trên thửa 323, tờ bản đồ 14. Bà Năm cho rằng nhà vệ sinh và công trình phụ phía sau do bà Năm xây cất vào tháng 3/2013 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc Tòa án

cấp sơ thẩm công nhận ngôi nhà và công trình phụ trên thửa đất 323 có giá trị 67.180.000 đồng cho bà Hóa là không phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá tài sản trên thửa đất 323, tờ bản đồ 14, ngày 12/6/2013 nhưng không có mặt bà Năm nên bà Năm không đồng ý Biên bản định giá ngày 12/6/2013 .....

……
……
……
……
……
……
……
……
……

[4] Ngày 04/7/2017 TAND huyện Châu Thành đã ban hành quyết định số 207/QĐ-TA nhập vụ án dân sự thụ lý số 265/2014/TLST_DS ngày 10/12/2014 và vụ án dân sự thụ lý số 281/2012/TLST_DS ngày 09/10/2012 để giải quyết trong cùng một vụ án. Hai vụ án trên nhập lại thành một vụ án thụ lý số 281/2012/TLST_DS ngày 09/10/2012.

Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2017 khi Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành.Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định: "Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thì các quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; trường hợp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này".

Theo đó, tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội có quy định người cao tuổi là trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Theo đó, bà Lê Thị Hai được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Hóa, bà Lê Thị Hai, bà Đào Thị Năm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành; điều chỉnh phần án phí cho phù hợp theo quy định pháp luật; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát .....phù hợp nên .....được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí thu thập chứng cứ: Đo đạc, định giá, trích lục hồ sơ là 8.554.000 đồng. Bà Hóa, bà Hai mỗi người phải nộp 1/2 là 4.277.000đồng. Bà Hóa đã tạm ứng nộp 5.595.000đồng. Bà Hai đã tạm ứng nộp 2.959.000đồng. Bà Hai phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà Hóa 1.318.000đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của Theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của .....;

Không chấp nhận kháng cáo của .....;

Không chấp nhận kháng cáo của .....;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Áp dụng Điều 635, Điều 645, Điều 674, 675, Điều 676, Điều 685 của Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hóa về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với phần đất có diện tích 1083.4m^2 (loại đất lúa) thuộc thửa 1470, tờ bản đồ 1; tọa lạc tại: xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hai về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với phần đất có diện tích 1083.4m^2 (loại đất lúa) thuộc thửa 1470, tờ bản đồ1; tọa lạc tại xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

- Chia cho bà Hóa được sử dụng 812.6m^2 đất, đất chia thuộc thửa 40b diện tích 469.8m^2 và thửa 93b diện tích 342.8m^2. Đất nhận có giá trị 893.860.000 đồng. Tứ cận: Cạnh Bắc giáp thửa 39 có độ dài cạnh 18.20m; Cạnh Nam giáp đường tỉnh 883, có độ dài cạnh 17.42m; Cạnh Đông giáp thửa 41 có độ dài cạnh 26.55m + 19.40m; Cạnh Tây giáp phần đất bà Hai nhận có độ dài cạnh 25.76m + 19.65m. Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

- Chia cho bà Hai được sử dụng 270.9m^2 đất, đất chia thuộc thửa 40a diện tích là 154.7m^2 và thửa 93a diện tích là 116.2m^2. Đất nhận có giá trị 297.990.000 đồng. Tứ cận: Cạnh Bắc giáp thửa 39 có độ dài cạnh 6.12m; Cạnh Nam giáp đường tỉnh 883 có độ dài cạnh 5.86m; Cạnh Đông giáp đất bà Hóa nhận có độ dài cạnh 25.76m + 19.65m; Cạnh Tây giáp kênh có độ dài cạnh 25.50m + 19.73m. Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bến Tre có trách nhiệm giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 138451, diện tích đất là 950m^2 thửa 1470 tờ 1 tại xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre mang tên Võ Văn Tư cho bà Hóa đại diện nhận để bà Hóa, bà Hai làm thủ tục thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được nhận thừa kế.

- Bà Hóa, bà Hai được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được nhận thừa kế nêu trên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hóa về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với số tiền bán xe tải còn lại là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hai về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với số tiền bán xe tải còn lại là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Cụ thể:

- Bà Hóa được nhận 3/4 của 237.000.000đồng là 177.750.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Hai nhận 1/4 của 237.000.000đồng là 59.250.000 đồng (Năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Hai phải có trách nhiệm chia thừa kế và giao số tiền 177.750.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Hóa.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hai về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với thửa đất thửa 376, tờ bản đồ 11,

tọa lạc tại: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Diện tích đo đạc hiện nay là 1822.7m^2 (Loại đất trồng cây lâu năm). Cụ thể trong đó: thửa cũ 462, tờ bản đồ 4, diện tích là 900m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 27/02/2009 do bà Phan Thị Hóa đứng tên quyền sử dụng đất; thửa cũ 1160, tờ bản đồ 4, diện tích là 843m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 17/5/1999 hộ Phan Thị Hóa đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ thể:

- Chia cho bà Hóa được sử dụng 1367.3m^2 đất, đất chia có cả cây trồng và công trình phụ, nhà tạm trên đất, thuộc thửa 376-1, 376-2, 376-3, 376-4, 376-5 có trị giá 273.460.000đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Tứ cận đất được nhận: Cạnh Bắc giáp thửa 325, 324, 323 có độ dài cạnh 1.70m + 8.28m+ 6.71m; Cạnh Nam giáp thửa 393 có độ dài cạnh 27.34m; Cạnh Đông giáp đất bà Hai nhận có độ dài cạnh 76.71m; Cạnh Tây giáp thửa 630, 373, 374, 372, 375 có độ dài cạnh 18.61m + 13.35m+ 9.75m+ 14.62m+ 7.48m+ 3.61m+ 1.66m+ 6.40m+ 0.68m+ 1.62m+24.94m. Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

- Chia cho bà Hai được sử dụng 455.7m^2 đất, đất chia có cả cây trồng trên đất thuộc thửa 376-6 có trị giá 91.140.000 đồng (Chín mươi mốt triệu môt trăm bốn mươi nghìn đồng). Tứ cận đất được nhận: Cạnh Bắc giáp thửa 323 có độ dài cạnh 4.41m; Cạnh Nam giáp thửa 393 có độ dài cạnh 4.41m; Cạnh Đông giáp thửa đất 531, 597, 377 có độ dài cạnh 20.33m+ 6.47m+ 5.11m+ 7.11m+ 7.02m+ 31.02m; Cạnh Tây giáp đất bà Hóa nhận có độ dài cạnh 76.71m. Vị trí, kích thước các cạnh có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

- Buộc bà Hóa có trách nhiệm cắt chia thừa kế cho bà Hai phần đất thửa 376-6 có diện tích nêu trên.

- Bà Hóa, bà Hai được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được nhận thừa kế.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hóa về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với số tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín -Chi nhánh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hai về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với số tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín -Chi nhánh Bến Tre. Cụ thể:

Tổng số tiền bà Hóa được nhận là 969.073.000 đồng (Chín trăm sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Bà Hai được nhận 110.343.000 đồng (Một trăm mười triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín -Chi nhánh Bến Tre có trách nhiệm giao số tiền 969.073.000 đồng (Chín trăm sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) cho bà Hóa.

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài gòn thương tín -Chi nhánh Bến Tre có trách nhiệm giao số tiền 110.343.000 đồng (Một trăm mười triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) cho bà Hai.

Kể từ ngày 12/9/2017 do số tiền gửi 1.079.416.600 đồng tại Ngân hàng được tiếp tục tính lãi, nên bà Hóa còn được nhận 3/4 của số tiền lãi phát sinh của số tiền 1.079.416.600 đồng tính đến thời điểm bà Hóa, bà Hai giao dịch kết toán với Ngân hàng. Bà Hai còn được nhận 1/4 của số tiền lãi phát sinh của số tiền 1.079.416.600 đồng tính đến thời điểm bà Hóa, bà Hai giao dịch kết toán với Ngân hàng. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín -Chi nhánh Bến Tre còn có trách nhiệm giao số tiền lãi suất nêu trên cho bà Hóa, bà Hai.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hóa về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 144681 mang tên Đào Thị Năm được cấp ngày 15/3/2011, thửa đất 323 tờ 14 tại xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hóa về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 258.5m^2, thửa 323, tờ bản đồ14 nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông Tư và bà Hóa.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hóa về việc yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 258.5m^2 thuộc thửa 323, tờ bản đồ14 nêu trên.

Chấp nhận yêu cầu của bà Hóa về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật của ông Võ Văn Tư để lại đối với căn nhà và công trình phụ trên thửa đất 323, tờ bản đồ14 nêu trên.

Buộc bà Đào Thị Năm có trách nhiệm giao cho bà Hóa giá trị căn nhà và công trình phụ trên đất thửa 323 nêu trên là 67.180.000 đồng. Trong đó:

Bà Hóa được nhận thừa kế giá trị căn nhà và công trình phụ trên đất thửa 323 là 50.385.000đồng (Năm mươi triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Bà Hai được nhận thừa kế giá trị căn nhà và công trình phụ trên đất thửa 323 là 16.795.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tạm giao cho bà Hóa được giữ số tiền 16.795.000 đồng mà bà Hai được chia thừa kế. Việc giao nhận số tiền 16.795.000 đồng bà Hai nhận thừa kế, bà Hóa và bà Hai tự giải quyết, nếu không giải quyết được sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Năng, bà Nguyễn Thị Thủy về việc yêu cầu bà Hóa hoàn lại số tiền đã xây dựng là 16.145.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Hóa có trách nhiệm giao số tiền 16.145.000đồng (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho vợ chồng ông Năng - bà Thủy.

7. Ghi nhận việc ông Võ Văn Thống, Võ Văn Năm, Võ Văn Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với công sức đóng góp đối với căn nhà trên phần đất thuộc thửa 323 và cây trồng trên đất thửa 376. Yêu cầu tính công sức đóng góp đối với căn nhà trên phần đất thuộc thửa 323 và cây trồng trên đất thửa 376 sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

8. Ghi nhận việc bà Lê Thị Tiếp không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với căn nhà đã thuê tại thửa đất số 323.

9. Ghi nhận việc bà Trần Thị Ngọc Dung, bà Trần Thị Chiếm không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền bà Hóa đã vay. Số tiền bà Hóa đã vay của bà Dung, bà Chiếm sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

10. Ghi nhận việc ông Huỳnh Văn Minh không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với đất và hoa màu trên thửa đất số 376.

Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập chứng cứ: Đo đạc, định giá, trích lục hồ sơ là 8.554.000 đồng. Bà Hóa, bà Hai mỗi người phải nộp 1/2 là 4.277.000 đồng. Bà Hóa đã tạm ứng nộp 5.595.000đồng. Bà Hai đã tạm ứng nộp 2.959.000 đồng. Bà Hai phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà Hóa 1.318.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hóa phải chịu là 74.117.000đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm mười bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí tiền án phí của bà Hóa phải nộp là 52.728.000 đồng. Bà Hóa còn phải nộp là 21.389.000đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Bà Hai được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Hai đã nộp là 15.401.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Năng số tiền 404.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010131 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

.....
.....
.....

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thẩm phán	Thẩm phán	Chủ tọa phiên tòa
Huỳnh Ngọc Dũng	Nguyễn Kim Tư	Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng